

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 4 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí đợt 4 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 4609 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ quản lý nhà nước về báo chí.
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 05/7/2025 đến ngày 02/8/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Vương Tuấn Anh	22.12.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004660	NVQLNNBC4/2025.01	
2	Nguyễn Duy Bắc	06.10.1976	Bắc Ninh	Nam	Kinh	HBT/BD 004661	NVQLNNBC4/2025.02	
3	Thái Ngọc Bách	27.12.1979	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004662	NVQLNNBC4/2025.03	
4	Phạm Văn Báu	19.10.1978	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004663	NVQLNNBC4/2025.04	
5	Nguyễn Văn Định	23.02.1966	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004664	NVQLNNBC4/2025.05	
6	Lành Mỹ Duyên	12.7.2000	Lạng Sơn	Nữ	Tày	HBT/BD 004665	NVQLNNBC4/2025.06	
7	Vũ Hải Hà	06.3.1976	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004666	NVQLNNBC4/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Hoàng Hải Hà	15.5.1984	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004667	NVQLNNBC4/2025.08	
9	Mai Việt Hà	22.10.1979	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004668	NVQLNNBC4/2025.09	
10	Nguyễn Thanh Hà	18.9.1973	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004669	NVQLNNBC4/2025.10	
11	Lại Thế Hiền	07.5.1975	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004670	NVQLNNBC4/2025.11	
12	Nguyễn Thị Phương Hoa	17.3.1977	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004671	NVQLNNBC4/2025.12	
13	Nguyễn Văn Hoan	04.4.1974	Quảng Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004672	NVQLNNBC4/2025.13	
14	Quách Thị Huệ	28.02.1985	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004673	NVQLNNBC4/2025.14	
15	Nguyễn Thị Minh Huệ	27.9.1978	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004674	NVQLNNBC4/2025.15	
16	Bùi Duy Hùng	25.02.1996	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004675	NVQLNNBC4/2025.16	
17	Phạm Thị Thu Hương	18.10.1974	Hà Bắc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004676	NVQLNNBC4/2025.17	
18	Ngô Thị Phương Lan	11.12.1974	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004677	NVQLNNBC4/2025.18	
19	Lương Hoàng Lan	10.9.1981	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004678	NVQLNNBC4/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Trần Văn Lãng	18.12.1959	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 004679	NVQLNNBC4/2025.20	
21	Đinh Phụng Lê	18.9.1986	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004680	NVQLNNBC4/2025.21	
22	Nguyễn Việt Lê	01.11.1983	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004681	NVQLNNBC4/2025.22	
23	Hoàng Đình Linh	24.7.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004682	NVQLNNBC4/2025.23	
24	Hoàng Diệu Linh	03.10.1988	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004683	NVQLNNBC4/2025.24	
25	Nguyễn Huy Long	27.3.1978	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004684	NVQLNNBC4/2025.25	
26	Vũ Thanh Nguyên	12.01.1977	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004685	NVQLNNBC4/2025.26	
27	Lê Thị Nhung	13.12.1977	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004686	NVQLNNBC4/2025.27	
28	Nguyễn Thị Oanh	24.6.1991	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004687	NVQLNNBC4/2025.28	
29	Đinh Duy Phong	10.11.1981	Điện Biên	Nam	Kinh	HBT/BD 004688	NVQLNNBC4/2025.29	
30	Nguyễn Hoài Phương	15.10.1980	Kon Tum	Nam	Kinh	HBT/BD 004689	NVQLNNBC4/2025.30	
31	Nguyễn Thị Sinh	27.7.1967	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004690	NVQLNNBC4/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Phạm Thị Minh Tâm	16.3.1969	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004691	NVQLNNBC4/2025.32	
33	Nguyễn Thế Thạch	04.4.1978	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004692	NVQLNNBC4/2025.33	
34	Nguyễn Thị Thắm	09.4.1980	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004693	NVQLNNBC4/2025.34	
35	Phan Nguyễn Trường Thắng	20.3.1990	Khánh Hòa	Nam	Kinh	HBT/BD 004694	NVQLNNBC4/2025.35	
36	Lê Quốc Thành	30.01.1973	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004695	NVQLNNBC4/2025.36	
37	Đỗ Tất Thành	25.9.1977	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004696	NVQLNNBC4/2025.37	
38	Hoảng Chung Thảo	15.5.1981	Bắc Kạn	Nữ	Nùng	HBT/BD 004697	NVQLNNBC4/2025.38	
39	Hoàng Văn Thụ	21.4.1976	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004698	NVQLNNBC4/2025.39	
40	Vũ Công Thương	15.5.1961	Ninh Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004699	NVQLNNBC4/2025.40	
41	Đặng Thu Thủy	26.01.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004700	NVQLNNBC4/2025.41	
42	Trịnh Xuân Tiến	24.9.1979	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004701	NVQLNNBC4/2025.42	
43	Đỗ Xuân Trường	23.10.1977	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004702	NVQLNNBC4/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Đào Văn Truyền	28.11.1980	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004703	NVQLNNBC4/2025.44	
45	Lê Anh Tuấn	15.7.1978	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004704	NVQLNNBC4/2025.45	
46	Ngô Quang Vinh	23.8.1980	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 004705	NVQLNNBC4/2025.46	
47	Bạch Ngọc Hải Yến	30.5.1980	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004706	NVQLNNBC4/2025.47	
48	Hoàng Thị Hải Yến	25.12.1984	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004707	NVQLNNBC4/2025.48	

Tổng số: 48 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025
K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang